

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 -
Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH (SXKD) NĂM 2023

I. TÌNH HÌNH THIẾT BỊ

1. Thuận lợi

- Trong năm 2023, tình hình thủy văn các hồ tương đối thuận lợi: lưu lượng trung bình nước về hồ Đơn Dương xấp xỉ cùng kỳ năm 2022 và lưu lượng trung bình nước về hồ Hàm Thuận cao hơn cùng kỳ năm 2022.

- Công ty đã triển khai các giải pháp thực hiện chủ đề năm “Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” gắn liền với việc nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh - đầu tư xây dựng trong Công ty; Kết quả thực hiện trong năm 2023 vượt kế hoạch về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận và cổ tức đề ra.

2. Khó khăn

Hệ thống thiết bị các nhà máy đã vận hành 20 năm nên nguy cơ tiềm ẩn các sự cố cao như: Máy phát Đa Mi, hệ thống bảo vệ tổ máy Đa Mi, các máy cắt đầu cực nhà máy Hàm Thuận và nhà máy Đa Mi, Hệ thống điều tốc các tổ máy Đa Nhim Công ty đang lập kế hoạch thay thế lần lượt các hệ thống thiết bị này.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Tình hình thủy văn

Lưu lượng trung bình nước về các hồ năm 2023 như sau: Hồ Đơn Dương là 27,54 m³/s, xấp xỉ cùng kỳ 2022 và cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN) (năm 2022: 28,64 m³/s, TBNN: 23,10 m³/s); hồ Hàm Thuận là 58,46 m³/s, cao hơn cùng kỳ 2022 và TBNN (năm 2022: 46,32 m³/s; TBNN: 51,66 m³/s). Chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Hồ Đơn Dương		Hồ Hàm Thuận	
		2022	2023	2022	2023
1	Lưu lượng vào hồ (m ³ /s)	28,64	27,54	46,32	58,46
2	Tần suất (%)	19,00	22,75	65,00	25,04
3	Lưu lượng chạy máy (m ³ /s)	24,87	23,32	47,82	50,25
4	Mức nước hồ đầu kỳ (m)	1042,20	1042,06	605,02	600,11
5	Mức nước hồ cuối kỳ (m)	1042,06	1042,00	600,11	604,96

2. Công tác sản xuất điện

Kế hoạch (KH) sản lượng năm 2023 là 2.884 triệu kWh, thực hiện (TH) 3.099,98 triệu kWh, đạt 107,48% kế hoạch. Chi tiết như sau:

STT	Nội dung	TH 2023 (Tr.kWh)	KH 2023 (Tr.kWh)	TH/KH (%)	TH 2022	So Sánh 2022 (%)
(a)	(b)	(1)	(2)	(3=1/2)	(4)	(5=1/4)
1	Sản lượng điện sản xuất (Tr.kWh)	3.099,98	2.884,28	107,48	3.105,5	99,82
	- Thủy điện	3.037,93	2.818,05	107,80	3.039,4	99,95
	- Điện mặt trời	62,05	66,23	93,69	66,1	93,87
2	Sản lượng điện thương phẩm (Tr.kWh)	3.077,39	2.860,49	107,58	3.083,7	99,80
	- Thủy điện	3.015,90	2.794,82	107,91	3.018,2	99,92
	- Điện mặt trời	61,49	65,67	93,63	65,5	93,88

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện	Kế hoạch	TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	2.431.740	2.263.379	107,44
	- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện (bao gồm lãi tiền gửi)	2.375.166	2.226.990	106,65

	- Doanh thu hoạt động tài chính	52.837	26.989	195,77
	- Doanh thu khác	3.737	9.400	39,76
2	Tổng chi phí	1.062.998	1.191.093	89,25
	- Chi phí hoạt động sản xuất điện (gồm các khoản làm tăng giảm giá điện)	1.059.631	1.182.633	89,60
	<i>Trong đó: Lỗ/Lãi (Chênh lệch tỉ giá)</i>	25.440	(103.948)	-
	- Chi phí hoạt động tài chính	-	-	-
	- Chi phí khác	3.367	8.460	39,76
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.368.742	1.072.286	127,65
	- Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh điện	1.315.535	1.044.357	125,97
	- Lợi nhuận hoạt động tài chính	52.837	26.989	195,77
	- Lợi nhuận khác	370	940	39,36
4	Lợi nhuận sau thuế	1.109.931	857.829	129,39
5	Cổ tức	28,5	20	142,50

Tình hình thủy văn thuận lợi nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 đạt tốt, cụ thể:

3.1. Hoạt động sản xuất điện

Doanh thu sản xuất điện: Sản lượng điện thương phẩm đạt 3.077 triệu kWh đạt 107,6%. Doanh thu sản xuất điện đạt 2.375 tỉ đồng tương đương 106,6% so với kế hoạch. Giá bán điện bình quân đạt 742,26 đ/kWh, kWh tương đương 98,9% so với kế hoạch, giảm 8,31 đ/kWh so với kế hoạch.

a) Doanh thu

- Doanh thu sản xuất điện là 2.283,9 tỷ đồng, đạt 106,4% kế hoạch năm.
- Doanh thu lãi tiền gửi, tiền cho vay là 91,2 tỷ đồng (Trong đó: tiền lãi từ cho vay là 70,9 tỷ đồng), đạt 114,0 % kế hoạch năm.

b) Chi phí

Chi phí sản xuất điện là 1.059,6 tỷ đồng, đạt 89,6% kế hoạch năm.

c) Lợi nhuận sản xuất điện là 1.315,5 tỷ đồng, đạt 126,0% so với kế hoạch năm.

3.2. Hoạt động tài chính

a) Doanh thu: Trong năm, Công ty nhận cổ tức từ các khoản đầu tư được 52,8 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Công ty cổ phần (CTCP) Thủy điện Hạ Sông Pha chia cổ tức năm 2022 là 10% với số tiền 11,2 tỷ đồng.

- Công ty cổ phần Thủy điện A Vương chia cổ tức năm 2022 là 25% và tạm ứng 52,65% cổ tức năm 2023 với số tiền 24,6 tỷ đồng.

- Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (SBH) chia cổ tức năm 2022 là 30%, và tạm ứng 24,45% cổ tức năm 2023 với số tiền 7,0 tỷ đồng.

- Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình (TBW) chia cổ tức năm 2022 là 10% với số tiền là 10 tỷ đồng.

b) Chi phí: Trong năm 2023, Công ty không phát sinh chi phí tài chính.

3.3. Lợi nhuận trước thuế là 1.368,7 tỷ đồng, đạt 127,6% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế là 1.109,9 tỷ đồng, đạt 129,4% kế hoạch năm. Lợi nhuận đạt cao nhờ hoạt động sản xuất điện thuận lợi và lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại vào cuối năm.

3.4. Cổ tức: Hội đồng quản trị đề xuất mức cổ tức năm 2023 là 28,5%,

III. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (ĐTXD) - ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (ĐTPT)

1. Kết quả thực hiện ĐTXD, ĐTPT năm 2023 như sau:

STT	Nội dung	Thực hiện (Tr.đồng)	Kế hoạch (Tr.đồng)	TH/KH (%)
1	Công tác ĐTXD	0	81.152	00
2	Công tác đầu tư, mua sắm TSCĐ bằng nguồn vốn ĐTPT, KHCB	112.825	164.512	68,58
Tổng cộng:		112.825	245.664	45,93

2. Trong năm 2023, kết quả thực hiện có một số hạng mục mua sắm TSCĐ có giá trị vượt so với kế hoạch chi phí đăng ký. Nguyên nhân, khi tổ chức đấu thầu, giá dự thầu các hạng mục có tăng/giảm nhưng tổng giá trúng thầu không vượt giá gói thầu và tổng giá trị thực hiện không vượt tổng giá trị kế hoạch. Cụ thể như sau:

- Gói thầu Cung cấp, lắp đặt máy biến áp chính Nhà máy thủy điện Đa Mi: Tổng giá trị thực hiện/kế hoạch năm là 96.028 triệu đồng/98.503 triệu đồng, đạt 97,5% (Trong đó:

⁽¹⁾ Hạng mục Máy biến áp chính Nhà máy Thủy điện Đa Mi là 81.612,7 triệu đồng/80.715 triệu đồng, tương đương 101,11%; ⁽²⁾ Hạng mục Hệ thống giám sát trực tuyến các MBA chính NMTĐ Đa Mi là 14.415 triệu đồng/17.788 triệu đồng, tương đương 81%).

- Gói thầu Cung cấp máy móc, thiết bị do các loại: Tổng giá trị thực hiện/kế hoạch năm là 6.743,6 tỉ đồng/6.900,3 tỉ đồng, đạt 97,7% (Trong đó, hạng mục có giá trị thực hiện vượt giá trị kế hoạch là Hợp bộ thử nghiệm rò rỉ bảo vệ là 2.730 triệu đồng/2.541 triệu đồng, tương đương 107,4%; các hạng mục khác đều thấp hơn kế hoạch).

- Gói thầu Cung cấp Máy rửa chén: Giá trị thực hiện/kế hoạch năm là 428 triệu đồng/400 triệu đồng, tương đương 107%. Do giá trị kế hoạch năm 400 triệu đồng là giá trước thuế, giá gói thầu là 440 triệu đồng là giá sau thuế GTGT 10%, giá trúng thầu của nhà thầu là 428 triệu đồng là giá không có thuế GTGT (vì nhà thầu là Hộ kinh doanh không áp dụng thuế GTGT để khấu trừ).

IV. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, GÓP VỐN, MUA CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

1. Đầu tư tài chính năm 2023

Kết quả sản xuất kinh doanh của các công ty có vốn góp của Công ty

STT	Tên công ty	Giá trị vốn góp cuối kỳ (Trđ)	Tỷ lệ vốn góp (%)	LNST kế hoạch (Trđ)	LNST thực hiện (Trđ)
1	CTCP Thủy điện Hạ Sông Pha	112.000	70	21.371	20.082
2	CTCP Phong điện Thuận Bình	100.000	20	123.585	106.194
3	CTCP Thủy điện A Vương	24.560	3	133.292	347.334
4	CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ	12.800	1	270.634	438.384

Nhìn chung, tình hình sản xuất kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết và các công ty có vốn góp của Công ty trong năm 2023 đều có lãi. CTCP Thủy điện Hạ Sông Pha đạt lợi nhuận thấp hơn kế hoạch do sản lượng đạt thấp hơn kế hoạch. CTCP Phong điện Thuận Bình lợi nhuận thấp hơn kế hoạch do chi phí trả nợ trước hạn chuyển đổi khoản vay vốn từ đồng USD sang vay VNĐ, lỗ CLTG thực hiện trong năm và đánh giá lại cuối năm (Đồng EURO và USD đều tăng so với thời điểm lập kế hoạch). CTCP thủy điện A Vương và CTCP Thủy điện SBH có lợi nhuận đạt cao so với kế hoạch chủ yếu do tình hình thủy văn tương đối thuận lợi.

2. Lãi tiền gửi, cho vay

Trong năm, Công ty theo dõi chặt chẽ dòng tiền, gửi tiết kiệm có kỳ hạn nhằm tăng doanh thu tài chính. Lãi tiền gửi, tiền cho vay trong năm là 91.198 triệu đồng. Trong đó, lãi tiền gửi là 20.231 triệu đồng, lãi tiền cho vay là 70.967 triệu đồng.

Phần II**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

Tiếp tục triển khai công tác cải tạo, phục hồi hệ thống thiết bị các nhà máy điện của Công ty và chuẩn bị hồ sơ để triển khai và hoàn thành Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - giai đoạn 2 với công suất 80MW vào năm 2032.

Phần III**PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2024****I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH**

1. Khối lượng thực hiện công tác sửa chữa tài sản cố định và đầu tư lớn như: Hệ thống điều tốc và kích từ tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Đa Mi; hệ thống kích từ tổ máy H2 Nhà máy Thủy điện Đa Mi; hệ thống điều tốc các tổ máy H1, H2, H3, H4 nhà máy Đa Nhim; hệ thống rơ le bảo vệ tổ máy H1 nhà máy Đa Mi; hệ thống điều khiển trạm GIS nhà máy Hàm Thuận; Cải tạo, nâng cấp Hệ thống thiết bị trung tâm điều khiển OCC, hệ thống mạng bảo mật hệ thống điều khiển và thị trường điện...

2. Tình hình vận hành thị trường điện đang gặp nhiều khó khăn do Qc giao theo phương thức tháng và có xu hướng tăng cao làm ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Việc thực hiện giao Qc theo phương thức tháng sẽ ảnh hưởng đến sự hoạt động chung của Công ty, không chủ động xây dựng kế hoạch tổng thể năm về doanh thu, chi phí, lợi nhuận để linh hoạt, điều phối thực hiện.

3. Dự án mở rộng nhà máy thủy Đa Nhim còn nhiều nội dung tồn tại, chưa hoàn thành như: Điều chỉnh tiến độ dự án, thanh toán cho nhà thầu TVGS, quyết toán các hạng mục hoàn thành và các khiếu nại, vướng mắc liên quan với Nhà thầu CC47...

II. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT ĐIỆN**1. Sản lượng điện**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch
1	Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	3.045
	- Thủy điện	Triệu kWh	2.980
	- Điện Mặt trời	Triệu kWh	65
2	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	3.020
	- Thủy điện	Triệu kWh	2.956
	- Điện Mặt trời	Triệu kWh	64

2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

a) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Tỷ lệ điện tự dùng	%	0,84
2	Hệ số khả dụng	%	95,55
3	Tỷ lệ dừng máy sự cố	%	0,49 (Mùa khô) 0,00 (Mùa mưa)
4	Hệ số dừng máy bảo dưỡng	%	3,96

b) Chỉ tiêu hoạt động thị trường điện

Doanh thu bán điện tăng thêm từ hoạt động thị trường điện của DHD năm 2024 là 64,83 tỷ đồng (Đa Nhim: 28,29 tỷ đồng; Hàm Thuận: 23,17 tỷ đồng; Đa Mi: 13,37 tỷ đồng).

III. CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**1. Sửa chữa lớn**

Công ty đăng ký kế hoạch sửa chữa lớn năm 2024 gồm 13 hạng mục công trình (10 hạng mục công trình đăng ký mới và 03 hạng mục công trình chuyển tiếp từ năm 2023) với tổng giá trị giải ngân là 38.585 triệu đồng và giá trị hạch toán vào chi phí trong năm 2024 là 34.451 triệu đồng.

2. Sửa chữa thường xuyên

- Sửa chữa thường xuyên tự làm: Công ty đăng ký kế hoạch sửa chữa thường xuyên năm 2024 gồm 10 hạng mục với tổng số tiền là 31.735 triệu đồng.

- Sửa chữa thường xuyên phân thuê ngoài: Công ty đăng ký kế hoạch sửa chữa thường xuyên năm 2024 gồm 22 hạng mục với tổng số tiền là 27.172 triệu đồng.

IV. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.898.540
	- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện (bao gồm lãi tiền gửi)	Tr.đồng	1.855.387
	- Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đồng	39.778
	- Doanh thu khác	Tr.đồng	3.375

2	Tổng chi phí	Tr.đồng	1.220.832
	- Chi phí hoạt động sản xuất điện (gồm các khoản làm tăng giảm giá điện)	Tr.đồng	1.217.794
	<i>Trong đó: Lỗ/Lãi (Chênh lệch tỉ giá)</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>(71.209)</i>
	- Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đồng	-
	- Chi phí khác	Tr.đồng	3.038
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	677.708
	- Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh điện	Tr.đồng	637.593
	- Lợi nhuận hoạt động tài chính	Tr.đồng	39.778
	- Lợi nhuận khác	Tr.đồng	337
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	542.166
5	Cổ tức	%	12

V. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Trong năm 2024, Công ty đăng ký kế hoạch giải ngân Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim và dự án điện mặt trời Đa Mi là 123.180 triệu đồng. Chi tiết như sau

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
	Tổng cộng	Tr.đồng	123.180
1	Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim	Tr.đồng	56.788
	Đầu tư thuần	Tr.đồng	1.702
	Trả nợ gốc	Tr.đồng	55.086
2	Dự án NMTĐ Mặt trời Đa Mi	Tr.đồng	66.392
	Trả nợ gốc	Tr.đồng	66.392

2. Mua sắm tài sản cố định

Kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2024 là 36.695 triệu đồng.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2023 và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2024 của Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- Ban KS;
- Lưu: VT, KHVT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Dính kèm: Phụ lục tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

Đặng Văn Cường

Phụ lục I

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TĐĐHD ngày tháng 4 năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	TH/KH (%)	Tình hình thực hiện
A	Công trình chuyển tiếp				
1	Tổ máy và sân phân phối - Hệ thống DCS Nhà máy Thủy điện Đa Mi	5,024	5,024	100	
B	Công trình kế hoạch năm 2023				
1	Tổ máy - Tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận	14,016	2,219	16	Không thực hiện hạng mục đại tu máy cắt đầu cực 501 và bộ truyền động
2	Tổ máy - Hệ thống kích từ và hệ thống điều tốc tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Đa Mi	600	250	42	- Thanh toán 70% giá trị hợp đồng tư vấn lập PAKT, dự toán (358 triệu đồng), tương đương 250 triệu đồng; - Hợp đồng tư vấn thẩm tra PAKT, dự toán là lập HSMT khoảng 137 triệu, chưa thanh toán trong năm 2023, chuyển tiếp sang năm 2024.
3	Tổ máy - Hệ thống điều tốc tổ máy H4, Nhà máy Thủy điện Sông Pha	5,856	938	16	Nhà thầu tạm ứng thực hiện HĐ
4	Tổ máy - Hệ thống điều tốc tổ máy H5 Nhà máy Thủy điện Sông Pha	5,856	938	16	Nhà thầu tạm ứng thực hiện HĐ
5	Đường vận hành đi đập tràn Hàm Thuận	6,030	3,598	60	Không thực hiện khối lượng bê tông nhựa nóng mặt đập chính Hàm Thuận và các hạng mục liên quan
6	Mái thượng lưu vai trái Đập tràn Đơn Dương	5,976	2,516	42	Không thực hiện được khoan phụt và xử lý phần cao trình từ 1026,5m đến 1038,5m
7	Giá trị phân bổ - Tổ máy H2 nhà máy thủy điện Đa Mi				
	TỔNG CỘNG	43,358	15,483	35,71	

Phụ lục II

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TĐĐHD ngày tháng 4 năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2023	So sánh TH/KH (%)	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
I	Sản lượng điện					
	Sản lượng điện sản xuất (Tr. kWh)	3,099.98	2,884.28	107.48	3,045.00	
	Sản lượng điện thương phẩm (Tr. kWh)	3,077.39	2,860.49	107.58	3,020.00	
II	Tổng doanh thu (Triệu đồng)	2,431,740	2,263,379	107.44	1,898,540	
1	Doanh thu SXKD điện (bao gồm lãi tiền gửi)	2,375,166	2,226,990	106.65	1,855,387	
2	Doanh thu hoạt động tài chính	52,837	26,989	195.77	39,778	
3	Doanh thu khác	3,737	9,400	39.76	3,375	
III	Tổng chi phí (Triệu đồng)	1,062,998	1,191,093	89.25	1,220,832	
1	Sản xuất kinh doanh điện (gồm các khoản làm tăng giảm giá điện)	1,059,631	1,182,633	89.60	1,217,794	
	Trong đó: Lãi/ Lỗ CLTG	25,440	(103,948)	-	(71,209)	
2	Hoạt động tài chính	-	-	-	-	
3	Hoạt động khác	3,367	8,460	39.80	3,038	
IV	Tổng LN trước thuế (Triệu đồng)	1,368,742	1,072,286	127.65	677,707	
1	SXKD điện	1,315,535	1,044,357	125.97	637,593	
2	Hoạt động tài chính	52,837	26,989	195.77	39,778	
3	Hoạt động khác	370	940	39.36	337	
V	Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	1,109,931	857,829	129.39	542,166	
VI	Cổ tức (%)	28.5	20	142.50	12	

Phụ lục III

THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG - MUA SẴM TSCĐ NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TĐĐHĐ ngày tháng 4 năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Kế hoạch 2023	Thực hiện	TH/KH	Ghi chú
I	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG				81,152	-	0.0%	
1	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim	ĐA	1		81,152		0.0%	
	Vốn vay				-	-		
	Vốn đối ứng				81,152	-	0.0%	

Phụ lục IV

THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG - MUA SẮM TSCĐ NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TĐĐHD ngày tháng 4 năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Kế hoạch 2023	Thực hiện	TH/KH	Ghi chú
	KẾ HOẠCH MUA SẮM TSCĐ				164,512	112,825	68.6%	
I	Danh mục chuyển tiếp				152,954	105,261	68.8%	
1	Nâng cấp hệ thống điều khiển trạm GIS Hàm Thuận	HT	1	23,100	22,405	-	0.0%	
2	Trung tâm OCC - Cài tạo, nâng cấp Hệ thống thiết bị trung tâm điều khiển OCC, hệ thống mạng bảo mật hệ thống điều khiển và thị trường điện	HT	1	13,543	13,309	-	0.0%	Đã tổ chức đấu thầu lần 1 không thành công. Hiện đang đánh giá lại tình trạng thiết bị, phạm vi thực hiện để tổ chức đấu thầu lại
3	Nâng cấp, thay thế hệ thống hội nghị truyền hình các phòng họp tại Công ty	HT	1	3,862	3,799	3,347	88.1%	
4	Hệ thống cảnh báo lũ hạ du hồ Đơn Dương	HT	1	1,459	1,434	1,305	91.0%	Giá trị tăng TSCĐ là 1.245 triệu đồng, giá trị vật tư nhập kho dự phòng là 60 triệu đồng
5	Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục “Cửa van sửa chữa đập tràn Đơn Dương”	Gói	1	1,197	1,197		0.0%	Chuyển tiếp sang năm 2024
6	Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục “Ống piezometer đo đường bão hòa thấm trong thân đập Hàm Thuận và Đa Mi”	Gói	1	7,500	7,500	4,581	61.1%	
7	Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị CNTT đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025	Gói	1	4,888	4,808	-	0.0%	Đã tổ chức đấu thầu lần 1 không thành công. Hiện đang đánh giá lại tình trạng thiết bị, phạm vi thực hiện để tổ chức đấu thầu lại
8	Gói thầu Cung cấp, lắp đặt máy biến áp chính Nhà máy thủy điện Đa Mi				98,503	96,028	97.5%	
	Máy biến áp chính Nhà máy Thủy điện Đa Mi	Bộ	2	40,358	80,715	81,612.7	101.11%	Giá trị tăng TSCĐ là 79.885 triệu đồng, giá trị vật tư nhập kho dự phòng là 1.728 triệu đồng
	Hệ thống giám sát trực tuyến các MBA chính NMTĐ Đa Mi	HT	2	8,894	17,788	14,415	81.0%	Chuyển tiếp 2024 số tiền 200 triệu
II	Danh mục đăng ký mới				11,557.7	7,564.6	65.5%	
1	Gói thầu: Cung cấp máy móc, thiết bị đo các loại				6,900.3	6,743.6	97.7%	
	Hợp bộ thử nghiệm rơ le bảo vệ	Máy	1	2,541	2,541	2,730.0		
	Máy ghi dạng sóng	Máy	1	1,451	1,451	1,394.2		
	Máy đo điện trở đất	Máy	1	194	194	175.0		
	Máy đo khí độc	Máy	1	211	211	210.0		
	Máy đo điện áp đánh thủng dầu cách điện	Máy	1	638	638	630.0		
	Thiết bị đo rò rỉ khí SF6	Máy	1	318.2	318	304.4		
	Máy đo thủy chuẩn	Máy	1	563.2	563	540.0		
	Máy đo điện trở 1 chiều cầm tay	Máy	2	160.0	320	220.0		
	Máy đo điện trở cách điện	Máy	1	145.0	145	90.0		
	Máy bắn đá khô (CO2)	Máy	1	360.0	360	350.0		
	Bơm thủy lực mini hi-force (Dùng điện)	Máy	1	160.0	160	100.0		
2	Máy rửa chén	Máy	4	100.0	400	428.0	107.0%	
3	Trạm cảnh báo lũ hạ du hồ Hàm Thuận	trạm	4	150	600	393.0	65.5%	Giá trị tăng TSCĐ là 348,4 triệu đồng, giá trị vật tư nhập kho dự phòng là 44,6 triệu đồng
4	Xe ô tô chữa cháy	Xe	1	3,657	3,657	550.0	15.0%	Thanh toán tạm ứng trong năm 2023. Chuyển tiếp sang năm 2024

Phụ lục V

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG ĐIỆN NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TDDHD ngày tháng 4 năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Tổng
Sản lượng điện đầu cực (Triệu kWh)	167.53	146.16	188.21	222.95	284.67	281.41	302.74	328.17	303.04	336.16	281.09	202.46	3,045.00
Thủy điện	161.13	140.47	181.56	217.25	278.94	276.00	297.93	322.90	298.24	331.86	276.56	196.88	2,980.00
Điện mặt trời	6.34	5.64	6.59	5.66	5.68	5.36	4.71	5.22	4.75	4.26	4.49	5.53	64.00
Sản lượng điện thương phẩm (Triệu kWh)	166.36	145.14	186.95	221.08	282.28	279.04	300.19	325.41	300.49	333.33	278.73	200.76	3,020.00
Thủy điện	160.02	139.51	180.35	215.42	276.60	273.68	295.48	320.19	295.74	329.07	274.24	195.23	2,956.00
Điện mặt trời	6.34	5.64	6.59	5.66	5.68	5.36	4.71	5.22	4.75	4.26	4.49	5.53	64.00
- Tổng doanh thu Qc (bao gồm thuế phi) (tỉ đồng)	66.94	75.40	70.76	198.08	164.24	161.97	169.93	184.03	168.86	186.14	157.48	116.74	1,720.55
- Tổng doanh thu bao gồm thuế phi và doanh thu tăng thêm (tỉ đồng)	69.69	78.17	74.62	202.90	170.43	168.10	176.54	191.20	175.48	193.51	163.62	121.11	1,785.39

Phụ lục VI
KẾ HOẠCH SỬA CHỮA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TĐDHD ngày tháng 4 năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

STT	Danh mục công trình	Giá trị dự toán điều chỉnh	Kế hoạch năm 2024		Ghi chú
			Kế hoạch SCL năm	Hạch toán vào chi phí	
	Tổng cộng		38,585	34,451	
	Công trình chuyển tiếp năm 2023	13,369	8,276	2,201	
1	Tổ máy - Hệ thống điều tốc tổ máy H4, Nhà máy Thủy điện Sông Pha	6,437	4,015	1,101	Thanh toán tạm ứng 20% giá trị Hợp đồng hệ thống điều tốc trong năm 2023. Giá trị còn lại thực hiện trong năm 2024
2	Tổ máy - Hệ thống điều tốc tổ máy H5 Nhà máy Thủy điện Sông Pha	6,437	4,015	1,101	Thanh toán tạm ứng 20% giá trị Hợp đồng hệ thống điều tốc trong năm 2023. Giá trị còn lại thực hiện trong năm 2024
3	Tổ máy - Hệ thống kích từ và hệ thống điều tốc tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Đa Mi (Thuê tư vấn lập hồ sơ khảo sát, PAKT, dự toán, lập HSMT; Thuê tư vấn thẩm tra hồ sơ khảo sát, PAKT, dự toán, lập HSMT).	496	246	0	Thanh toán chi phí còn lại của năm 2023 chuyển tiếp về việc thuê tư vấn lập, thẩm tra PAKT, dự toán và HSMT là 246 triệu đồng
	Công trình kế hoạch năm 2024	130,952	30,309	32,249	
1	Tổ máy H1 Đa Nhim - Đại tu tổ máy	2,986	2,938	2,938	
2	Tổ máy H2 Đa Nhim - Đại tu tổ máy	2,617	2,578	2,578	
3	Tổ máy H5 Sông Pha - Đại tu tổ máy	763	763	763	
4	Tổ máy H1 Đa Mi - Hệ thống điều tốc và kích từ	30,185	6,141	-	- Giá trị KH hiệu chỉnh giảm 794 triệu đồng so với kế hoạch đã duyệt do cập nhật lại giá trị theo dự toán của tư vấn. - Thực hiện 2 năm (2024-2025). Năm 2024 tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu, thanh toán tạm ứng 20% hợp đồng. Năm 2025 tiến hành lắp đặt nghiệm thu hoàn thành công trình.
5	Tổ máy H2 Đa Mi - Hệ thống kích từ	13,366	2,673	-	- Giá trị KH hiệu chỉnh giảm 2.158 triệu đồng so với kế hoạch đã duyệt do cập nhật lại giá trị theo dự toán của tư vấn. - Thực hiện 2 năm (2024-2025). Năm 2024 tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu, thanh toán tạm ứng 20% hợp đồng. Năm 2025 tiến hành lắp đặt nghiệm thu hoàn thành công trình.
6	Nhà máy điện mặt trời Đa Mi - Nhà máy điện mặt trời	2,634	3,120	3,120	Giá trị điều chỉnh kế hoạch tăng hơn 486 triệu đồng do bổ sung thêm một số vật tư thiết bị sau khi khảo sát đánh giá lại tình trạng thiết bị như: quạt làm mát ly tâm cho inverter, màn hình HMI, sứ xuyên...
7	Nhà máy Thủy điện Đa Nhim - Hệ thống điều tốc các tổ máy H1, H2, H3 và H4	66,428	950	-	Công trình thực hiện 3 năm 2024-2026. - 2024: Chi phí thuê tư vấn lập, thẩm tra PAKT và Dự toán. - Năm 2025 tổ chức LCNT và lắp đặt cho 1 tổ máy. - Năm 2026 lắp đặt cho 3 tổ máy còn lại.
8	Tổ máy H1 Đa Mi - Hệ thống role bảo vệ	3,501	2,674	2,674	
9	Công trình xây dựng - Đường vận hành đi Nhà máy Thủy điện Đa Mi	6,208	6,208	6,208	
10	Công trình xây dựng - Nhà trực vận hành, sửa chữa và văn phòng làm việc Đa Nhim	2,264	2,264	2,264	
11	Chi phí phân bổ			11,704	Phân bổ Hệ thống điều tốc H2 Đa Mi và hệ thống DCS Đa Mi

Phụ lục VII

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TĐĐHĐ ngày tháng 4 năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
1	Kế hoạch ĐTXD	Triệu đồng	123,180	
1.1	Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim	Triệu đồng	56,788	
	<i>Đầu tư thuần</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>1,702</i>	Giảm số tiền còn lại của gói thầu 12.01 khoảng 16.129 tỷ đồng sẽ được chuyển tiếp sang năm 2025 do các bên chưa thống nhất và cấp thẩm quyền chấp thuận nguyên nhân trách nhiệm các bên.
	<i>Trả nợ gốc</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>55,086</i>	
1.2	Dự án NMTĐ Mặt trời Đa Mi	Triệu đồng	66,392	
	<i>Trả nợ gốc</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>66,392</i>	

Phụ lục VIII
KẾ HOẠCH MUA SẴM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-TĐĐHD ngày tháng 4 năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

STT	Các danh mục, thiết bị	DVT	Số lượng	Đơn giá gói thầu (Triệu đồng)	Thành tiền gói thầu (Triệu đồng)	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
A	Danh mục chuyển tiếp			45,056,7	45,056,7	800,0	3,211,6	
1	Nâng cấp hệ thống điều khiển trạm GIS Hàm Thuận	HT	1	22,405	22,405		-	1. Tờ chức đấu thầu lần 1 nhưng không thành công đang kiểm tra rà soát, chỉnh sửa báo cáo kinh tế kỹ thuật, trình cấp thẩm quyền phê duyệt. 2. Kế hoạch thực hiện a) Năm 2024 - Tư vấn kiểm tra rà soát, chỉnh sửa báo cáo kinh tế kỹ thuật. - Lựa chọn Nhà thầu. b) Năm 2025: Thi công lắp đặt và nghiệm thu thanh quyết toán công trình.
2	Trung tâm OCC - Cài tạo, nâng cấp Hệ thống thiết bị trung tâm điều khiển OCC, hệ thống mạng bảo mật hệ thống điều khiển và thị trường điện	HT	1	13,309	13,309		-	1. Tờ chức đấu thầu lần 1 nhưng không thành công đang kiểm tra rà soát, chỉnh sửa báo cáo kinh tế kỹ thuật, trình cấp thẩm quyền phê duyệt. 2. Kế hoạch thực hiện a) Năm 2024 - Tư vấn kiểm tra rà soát, chỉnh sửa báo cáo kinh tế kỹ thuật. - Lựa chọn Nhà thầu. b) Năm 2025: Thi công lắp đặt và nghiệm thu thanh quyết toán công trình.
3	Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục “Cửa van sửa chữa đập tràn Đơn Dương”	Gói	1	908	908	250,0	1,015,6	- Thanh toán phần còn lại của Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục “Cửa van sửa chữa đập tràn Đơn Dương” là 908 triệu đồng. - Tư vấn thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán là 107,6 triệu đồng (Giá trị thẩm tra tạm tính theo nhiệm vụ thiết kế).
4	Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị CNTT đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025	HT	1	4,808	4,808		-	1. Tờ chức đấu thầu lần 1 nhưng không thành công đang kiểm tra rà soát, chỉnh sửa báo cáo kinh tế kỹ thuật, trình cấp thẩm quyền phê duyệt. 2. Kế hoạch thực hiện a) Năm 2024 - Tư vấn kiểm tra rà soát, chỉnh sửa báo cáo kinh tế kỹ thuật. - Lựa chọn Nhà thầu. b) Năm 2025: Thi công lắp đặt và nghiệm thu thanh quyết toán công trình.
5	Xe ô tô chữa cháy	Xe	1	3,627	3,627	550,0	1,996,0	Năm 2023 thanh toán tạm ứng 20% giá trị Hợp đồng. Quyết toán trong năm 2024.
6	Hệ thống giám sát trực tuyến các MBA chính NMTĐ Đa Mi	HT	2	8,894	17,788	14,615,0	200,0	Năm 2023 thanh toán phần thiết bị. Chuyển tiếp phần đào tạo sang năm 2024. Quyết toán trong năm 2024.
B	Danh mục kế hoạch đăng ký mới năm 2024						33,483,6	
1	Máy biến điện áp 13,2 kV đầu cực các máy phát Đa Nhim (Gói gồm 8 bộ)	Gói	1	496,2	496,2		496,2	Thay thế 08 TU hiện hữu chưa thành phần PCB. Bảo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập.
2	Máy biến áp 13T Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	Máy	1	863,0	863,0		863,0	Thay thế MBA 13T hiện hữu. Bảo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập.
3	Hệ thống điều hòa cho nhà máy Đa Nhim mở rộng	Hệ thống	1	222,4	222,4		222,4	Trang bị mới. Bảo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập.
4	Hệ thống quan trắc chuyển vị và đường bão hòa thấm trong thân đập - Công trình thủy điện Đa Nhim	Gói	1	3,215,2	3,215,2		3,215,2	Bảo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập.
5	Mốc quan trắc công trình thủy điện Hàm Thuận	Gói	1	143,2	143,2		143,2	Bổ sung các mốc quan trắc. Bảo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập.
6	Mốc quan trắc công trình thủy điện Đa Mi	Gói	1	248,4	248,4		248,4	Bổ sung các mốc quan trắc. Bảo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập.
7	Trang bị Máy công cụ, dụng cụ và máy thí nghiệm	Gói	1	5,156,5	5,156,5		5,156,5	Bảo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập.
8	Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động cho các MBA T9 và T10 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	Hệ thống	1	1,540,4	1,540,4		1,540,4	Gồm 2 gói thầu: - Tư vấn thiết kế và thẩm duyệt thiết kế. - Cung cấp lắp đặt.
9	Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	Hệ thống	1	5,017,5	5,017,5		5,017,5	Gồm 2 gói thầu: - Tư vấn thiết kế và thẩm duyệt thiết kế. - Cung cấp lắp đặt.
10	Hệ thống chữa cháy tự động kho vật tư Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	Hệ thống	1	3,244,4	3,244,4		3,244,4	Gồm 2 gói thầu: - Tư vấn thiết kế và thẩm duyệt thiết kế. - Cung cấp lắp đặt.
11	Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận	Hệ thống	1	659,9	659,9		749,4	Gồm 2 gói thầu: - Tư vấn thiết kế và thẩm duyệt thiết kế. - Cung cấp lắp đặt. (Chuẩn xác lại chi phí thiết kế từ 75 triệu lên 164,5 triệu theo báo giá ngày 20/3/2024 của Cty CP kỹ thuật cơ điện Quốc Minh)
12	Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Đa Mi	Hệ thống	1	659,9	659,9		774,4	Gồm 2 gói thầu: - Tư vấn thiết kế và thẩm duyệt thiết kế. - Cung cấp lắp đặt. (Chuẩn xác lại chi phí thiết kế từ 50 triệu lên 164,5 triệu theo báo giá ngày 20/3/2024 của Cty CP kỹ thuật cơ điện Quốc Minh)
13	Hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Sông Pha	Hệ thống	1	2,360,9	2,360,9		2,360,9	Gồm 2 gói thầu: - Tư vấn thiết kế và thẩm duyệt thiết kế. - Cung cấp lắp đặt.

14	Thay mới và lắp bổ sung hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi	Hệ thống	1	609.2	609.2	723.7	Gồm 2 gói thầu: - Tư vấn thiết kế và thẩm duyệt thiết kế. - Cung cấp lắp đặt. (Chuẩn xác lại chi phí thiết kế từ 50 triệu lên 164,5 triệu theo báo giá ngày 20/3/2024 của Cty CP kỹ thuật cơ điện Quốc Minh)
15	Hệ thống chữa cháy tự động cho MBA T1 Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi	Hệ thống	1	569.6	569.6	391.6	Gồm 2 gói thầu: - Tư vấn thiết kế và thẩm duyệt thiết kế. - Cung cấp lắp đặt. (Chuẩn xác lại chi phí thiết kế từ 204,5 triệu còn 26,5 triệu theo báo giá ngày 20/3/2024 của Cty CP kỹ thuật cơ điện Quốc Minh)
16	Bơm chữa cháy loại khiêng tay cho Nhà máy Thủy điện Sông Pha	Bộ	1	369.1	369.1	369.1	Báo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập.
17	Bơm chữa cháy động cơ điện và chống sét cho khu Nhà trực vận hành Báo Lộc	Bộ	1	156.5	156.5	467.0	- Báo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập. - Bổ sung tủ điều khiển và hệ thống chống sét cho khu Nhà trực vận hành Báo Lộc. - Giá thiết bị và dịch vụ lấy theo giá trung bình của 03 báo giá (Báo giá của Công ty TNHH MTV Thanh Bình, Công ty CP PCCC và Cơ điện Toàn Cầu và Công ty TNHH tư vấn dịch vụ PCCC Đà Lạt)
18	Thi công lắp đặt hạng mục "Ổng piezometer đo đường bão hòa thấm trong thân đập Hàm Thuận và Đa Mi"	gói	1	6,079.1	6,079.1	3,120.0	- Năm 2023 đã thực hiện chi phí tư vấn, khảo sát 4,58 tỷ đồng - Giá trị KH tạm tính theo NVTK (nhiệm vụ thiết kế) phần thi công khoảng 6,079 tỷ đồng thực hiện trong năm 2024. - Theo BCKTKT lập thì chi phí thi công được chuẩn xác lại là 5.2 tỷ đồng. Năm 2024 thực hiện thi công lắp đặt giếng quan trắc với chi phí khoảng 3,12 tỷ đồng. Năm 2025 thực hiện phần lắp đặt thiết bị quan trắc với chi phí khoảng 2,08 tỷ đồng
19	Nhà để xe khu vực Văn phòng Báo Lộc	gói	1	1,255.4	1,255.4	1,255.4	
20	Nhật ký vận hành điện tử		1	2,380.9	2,380.9	1,637.0	Giảm 1 server 224 triệu đồng đã thuộc gói thầu "Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị CNTT đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025" và giảm bộ mã nguồn 507,97tr đồng do sử dụng chung hạ tầng với EVNGENCO1.
21	Cầu thang thoát hiểm hội trường văn phòng làm việc Báo Lộc					190.0	Báo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập. Đáp ứng mục 3.2.5 của QCVN 06:2022
22	Cầu thang thoát hiểm khu nhà xưởng Hàm Thuận					265.0	Báo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập. Đáp ứng mục 3.2.5 của QCVN 06:2022
23	Báo cháy, chữa cháy khu nhà trực vận hành sửa chữa Báo Lộc - Khu thể thao					450.0	Báo cáo KTKT: Chủ đầu tư tự lập. Đáp ứng mục 3.2.5 của QCVN 06:2022
24	Nhà xưởng tại Nhà máy thủy điện Đa Mi					204.0	Tổng mức đầu tư: 5.425 triệu đồng. Thanh toán trong năm 2024 là 204 triệu đồng phần thuê tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật . Kích thước: 7,7x15m 2 tầng. Bao gồm hệ thống cấp thoát nước sinh hoạt, hệ thống điện chiếu sáng điều hòa, thông gió và hệ thống PCCC. Cơ sở bổ sung: + Từ khi đưa vào vận hành năm 2001 đến nay, việc sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhà máy thủy điện Đa Mi được sử dụng từ nhà xưởng tại nhà máy thủy điện Hàm Thuận cách xa nhà máy thủy điện Đa Mi khoảng 10 km nên gây rất nhiều khó khăn trong công tác tổ chức về nhân lực, vật tư, dụng cụ... phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhà máy, làm hiệu quả và độ tin cậy của công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhà máy. + Việc xây dựng nhà xưởng tại nhà máy thủy điện Đa Mi sẽ tăng hiệu quả và độ tin cậy của công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhà máy do chủ động được khâu tổ chức về nhân lực, vật tư, dụng cụ... tại chỗ vì vậy việc xây dựng nhà xưởng tại nhà máy thủy điện Đa Mi là cần thiết.
25	Kiểm toán, quyết toán các hạng mục ĐTPT năm 2023					379.0	Lập theo định mức
Tổng cộng						36,695.0	